

Số: 06 /2018/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 305/TTr-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2017.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông như sau:

1. Điều 4 sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ về đất

1. Sau khi có thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm tổ chức điều tra, khảo sát thông tin về các thửa đất tại khu vực đất thu hồi, việc xác định giá đất cụ thể được thực hiện như sau:

a) Trường hợp khu vực đất thu hồi có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì thực hiện xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất trình thẩm định, phê duyệt (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường);

b) Trường hợp khu vực đất thu hồi có nhiều mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi khác nhau và việc sử dụng đất khác nhau thì thuê tư vấn xác định giá đất thực hiện xác định giá đất cụ thể, xác định hệ số điều chỉnh giá đất trình thẩm định, phê duyệt để làm căn cứ tính bồi thường theo quy định.

2. Kinh phí chi cho công tác xác định giá đất bao gồm trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất, xác định hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường (nếu có), thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt xây dựng trên đất ở không có giấy phép xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến thời điểm công bố công khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt, khi xây dựng không vi phạm quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được xét duyệt công bố công khai thì được hỗ trợ bằng 80% giá trị nhà, công trình theo quy định tại Điều 13 Quy định này;

Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt xây dựng trên đất ở kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến thời điểm công bố công khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt, khi xây dựng vi phạm quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được xét duyệt công bố công khai thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị nhà, công trình theo quy định tại Điều 13 Quy định này.”

3. Khoản 3 Điều 21 sửa đổi như sau:

“3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng tự nhiên là rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ) khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo hình thức bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 01 lần đơn giá trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định theo loại đất ghi trong hợp đồng giao khoán. Diện tích tính hỗ trợ theo diện tích thực tế thu hồi nhưng không vượt hạn mức giao đất theo quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai.”

4. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 22 và bổ sung khoản 5 vào Điều 22 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; diện tích được tính hỗ trợ là diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương, cụ thể như sau:

Hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành.”

“3. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ, có đăng ký kinh doanh và đã nộp thuế kinh doanh, dịch vụ theo quy định kể từ trước 06 tháng đến ngày thông báo thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ quy định như sau:

- Hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ đối với các hộ thuộc địa bàn phường, thị trấn, xã thuộc thị xã Gia Nghĩa; xã Đăk Búk So, huyện Tuy Đức và xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong;

- Hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ đối với các hộ thuộc địa bàn các xã còn lại.”

“5. Nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 2 Điều này phải là người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất.”

5. Điều 23 sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở (Quy định tại Điều 22 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện nhận đất ở tái định cư theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 29 Quy định này mà số tiền được bồi thường về đất ở nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 28 Quy định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất ở.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện nhận đất ở mà không nhận đất tái định cư thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được hỗ trợ một khoản kinh phí tính cho một suất tái định cư tại khu tái định cư tập trung như sau:

a) Đối với đất thu hồi thuộc địa giới hành chính phường, thị trấn, xã thuộc thị xã Gia Nghĩa; xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức và xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong không quá 75 triệu đồng/hộ;

b) Đối với đất thu hồi thuộc khu vực các khu dân cư còn lại không quá 50 triệu đồng/hộ.”

6. Điểm c khoản 4 Điều 26 sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư nhưng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 29 Quy định này thì được hỗ trợ một lần tiền thuê nhà trong thời gian là sáu (06) tháng kể từ ngày phải di chuyển chỗ ở. Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này.”

7. Khoản 1 Điều 28 sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Suất đất tái định cư tối thiểu bằng đất ở để giao cho đối tượng được bố trí tái định cư tại khu vực nông thôn diện tích là 130 m²; tại khu vực đô thị diện tích là 100m².”

8. Điều 31 sửa đổi như sau:

“Điều 31. Trình tự, thủ tục thu hồi đất và lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai, trong đó:

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi và các tổ chức có liên quan xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và gửi hồ sơ cho cơ quan tài nguyên và môi trường trình UBND cùng cấp phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất.

Hồ sơ, nội dung thông báo thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, chủ trì phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của xã và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất và lập biên bản kiểm tra hiện trạng.

4. Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm đếm đất đai, tài sản của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất bị thu hồi, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển hồ sơ (bản sao, có đóng dấu treo) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi để xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;
- Danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi;
- Tờ khai của người sử dụng đất, tờ khai về tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp người sở hữu tài sản không phải là người có quyền sử dụng đất;
- Hồ sơ kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất;
- Các giấy tờ đất đai, nhà cửa có liên quan của người có đất thu hồi nộp;
- Bản đồ địa chính trích đo hoặc trích lục khu đất bị thu hồi và bản đồ từng thửa đất của từng hộ gia đình, cá nhân.

5. Trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

6. Thời gian niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Hết thời hạn niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn thành việc điều chỉnh (nếu có) phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc. Sau đó, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với chủ đầu tư gửi hồ sơ đề

ngộ thu hồi đất và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

a) Hồ sơ thu hồi đất, gồm có:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có);

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (đã có khi lập hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận);

- Trích lục thửa đất của từng hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất thu hồi.

b) Hồ sơ thẩm định phương án bồi thường, gồm có:

- Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Hồ sơ của từng trường hợp thu hồi đất gồm: Biên bản kiểm kê, giấy xác nhận nguồn gốc đất đai, tài sản gắn liền với đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, giấy tờ về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với thửa đất bị thu hồi;

- Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất bị thu hồi;

- Biên bản niêm yết phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

7. Thời gian thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tối đa không quá 10 ngày làm việc (tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và không kể thời gian chờ bổ sung, sửa chữa hồ sơ nếu có).

8. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị thu hồi đất và tờ trình đề nghị phê duyệt của cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.”

9. Sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 36 và bổ sung khoản 3 vào Điều 36 như sau:

“g) Trước ngày 20 tháng 11 hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương.”

“3. Trình tự, thủ tục, nội dung xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau:

a) Đối với trường hợp đất đai, tài sản có các giấy tờ về đất đai, tài sản ghi rõ nguồn gốc đất đai, thời điểm sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai; Điều 18 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16, 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ), Điều 21, Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cán

bộ địa chính cấp xã phối hợp với Ban tự quản tổ dân phố hoặc Ban tự quản thôn, khối, bon, buôn xác minh hồ sơ; ký xác nhận nguồn gốc đất đai, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Đối với trường hợp người sử dụng đất, tài sản không có giấy tờ về đất đai, tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng tư vấn cấp xã, thành phần gồm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng;
- Các thành viên đang công tác hoặc đã từng công tác tại xã, có am hiểu về đất đai tại địa phương;
- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;
- Đại diện Ban tự quản tổ dân phố hoặc Ban tự quản thôn, khối, bon, buôn;
- Những người sống lâu năm tại địa phương nơi có đất bị thu hồi.

Hội đồng tư vấn cấp xã họp để xác định nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có).

Kết quả của các cuộc họp phải được thể hiện bằng biên bản ghi ý kiến và có chữ ký của các thành viên tham gia, ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng đối với từng trường hợp. Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Chủ tịch Hội đồng giao trách nhiệm cho thành viên Hội đồng tiến hành xác minh, lấy ý kiến của nhân dân trong khu vực; việc tiến hành xác minh phải có ít nhất 02 thành viên Hội đồng tham gia, trong đó có 01 thành viên là cán bộ địa chính, tư pháp cấp xã; người dân được lấy ý kiến xác minh tối thiểu là 02 người, là người sống lâu năm trong khu vực có đất thu hồi, việc xác minh phải lập biên bản có chữ ký của thành viên tham gia và của người được lấy ý kiến; kết quả xác minh phải họp lại Hội đồng tư vấn để thông qua và Chủ tịch Hội đồng có kết luận chính thức.

Căn cứ kết quả cuộc họp, cán bộ địa chính cấp xã lập danh sách các trường hợp đã được Hội đồng tư vấn thống nhất về nguồn gốc đất đai, thời điểm sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; niêm yết công khai danh sách tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và trụ sở thôn, buôn, bon, tổ dân phố trong thời hạn bảy ngày (07) làm việc. Ban tự quản tổ dân phố hoặc Ban tự quản thôn, khối, bon, buôn thông báo rộng rãi cho các hộ gia đình, cá nhân biết để theo dõi và có ý kiến.

Cán bộ địa chính cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến đóng góp của nhân dân, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản chấm dứt niêm yết và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất và tài sản của người có đất thu hồi vào trong hồ sơ gốc do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng bàn giao.

c) Nội dung xác minh, họp kết luận của Hội đồng và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Xác định rõ tên người sử dụng đất, tài sản và tình trạng biến động hồ sơ sử dụng đất;
- Xác định rõ thửa đất bị thu hồi, số tờ, số thửa đất, diện tích, loại đất nằm trong hồ sơ địa chính của khu đất thu hồi kèm theo bản đồ trích đo; ghi rõ số tờ, số thửa đất, diện tích, loại đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất (nếu có);
- Về nguồn gốc sử dụng đất: Phải xác định rõ nguồn gốc đất (được Nhà nước giao, thuê đất, nhận chuyển nhượng đất, nhận tặng cho, nhận thừa kế, lấn đất, chiếm đất, khai hoang...); ghi rõ các giấy tờ chứng minh nguồn gốc đó;
- Thời điểm sử dụng đất: Ghi thời điểm bắt đầu sử dụng cụ thể đến ngày, tháng, năm;
- Tình trạng sử dụng đất ổn định hay không ổn định, tranh chấp (nếu có);
- Tình trạng đất ở, nhà ở khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn của hộ gia đình, cá nhân nơi có đất thu hồi;
- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi;
- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp phải xác nhận hộ gia đình, cá nhân có trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp hay không;
- Xác nhận về nguồn gốc nhà ở hoặc vật kiến trúc gắn liền với đất: Thời gian làm nhà ở, có giấy phép xây dựng hay không có giấy phép xây dựng nhà ở, vật kiến trúc gắn liền với đất; có giấy tờ công nhận quyền sở hữu trong quá trình tạo lập tài sản hoặc các giấy tờ về vi phạm (nếu có) các quy định của Nhà nước."

10. Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 37 như sau:

"đ) Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018.
2. Ngoài các nội dung quy định tại Quyết định này, các nội dung khác được thực hiện theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Quy định chuyên tiếp
 - a) Đối với các dự án, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt.
 - b) Đối với các dự án, hạng mục chưa có quyết định thu hồi đất và chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của

pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục QLDD - Bộ TN&MT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Ủy ban MTTQVN, các đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CN, NC, KTTH, CTTĐT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

24